

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233,887,947,537	229,242,985,195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		46,313,892,365	30,312,488,032
1. Tiền	111	V01	17,313,892,365	10,312,488,032
2. Các khoản tương đương tiền	112		29,000,000,000	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,280,175,308	21,295,476,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	3,374,036,608	21,333,776,400
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-93,861,300	-38,300,400
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41,173,101,176	43,341,137,501
1. Phải thu khách hàng	131		34,289,986,904	32,075,811,068
2. Trả trước cho người bán	132		8,567,557,466	8,467,667,692
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	3,109,687,962	3,824,856,006
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-4,794,131,156	-1,027,197,265
IV. Hàng tồn kho	140		131,614,564,175	125,689,827,255
1. Hàng tồn kho	141	V04	138,808,548,923	129,233,295,099
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-7,193,984,748	-3,543,467,844
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,506,214,513	8,604,056,407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11,007,738,775	8,340,329,782
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62,271,518	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	93,903,220	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		342,301,000	263,726,625
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8,160,435,816	8,889,420,689
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07	0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1,120,635,816	1,609,650,265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	1,120,635,816	1,609,650,265
- Nguyên giá	222		3,345,881,401	3,295,473,219
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-2,225,245,585	-1,685,822,954
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7,000,000,000	7,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	7,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		39,800,000	279,770,424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	0	279,770,424
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		39,800,000	0
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		242,048,383,353	238,132,405,884

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		70,546,239,003	62,985,425,510
I. Nợ ngắn hạn	310		70,480,259,125	62,985,425,510
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	0	0
2. Phải trả người bán	312		41,839,062,001	52,507,211,937
3. Người mua trả tiền trước	313		2,385,118,926	1,215,695,594
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	6,677,363,270	3,180,512,960
5. Phải trả người lao động	315		2,552,950,551	1,421,529,381
6. Chi phí phải trả	316	V17	2,563,173,201	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	14,264,802,088	428,989,191
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		197,789,088	4,231,486,447
II. Nợ dài hạn	330		65,979,878	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		65,979,878	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171,502,144,350	175,146,980,374
I. Vốn chủ sở hữu	410		171,502,144,350	175,146,980,374
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-3,401,210,000	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,921,741,838	3,921,741,838
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,150,159,024	8,150,159,024
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4,075,079,512	4,075,079,512
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8,756,373,976	9,000,000,000
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		242,048,383,353	238,132,405,884
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký ợc	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Việt Hà

Vũ Bá Khánh

CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
Năm tài chính 2011

Mẫu số B01-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2011

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		276,650,903,145	239,822,589,898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		909,370,355	565,064,184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		275,741,532,790	239,257,525,714
4. Giá vốn hàng bán	11		204,171,372,550	175,563,574,377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		71,570,160,240	63,693,951,337
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4,318,863,803	3,425,118,952
7. Chi phí tài chính	22		3,766,026,935	5,603,890,270
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,401,425,233	4,109,599,422
8. Chi phí bán hàng	24		18,196,652,271	16,750,992,228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,836,134,544	13,266,059,773
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		37,090,210,293	31,498,128,018
11. Thu nhập khác	31		87,736,644	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		87,736,644	0
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)	50		37,177,946,937	31,498,128,018
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6,609,172,961	7,927,943,340
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		30,568,773,976	23,570,184,678
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		2,051	2,462

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012
Tổng Giám đốc

Dương Thị Việt Hà

Vũ Bá Khánh

CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính
Năm tài chính 2011

Mẫu số : B 03-DN

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - NĂM 2011

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2011	Lũy kế năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		257,176,893,177	242,617,389,280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-204,198,613,463	-220,244,335,272
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-13,872,036,980	-12,762,625,163
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-3,401,425,233	-4,109,599,422
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-3,042,422,082	-9,649,120,655
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,589,494,638	21,509,780,745
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-5,165,682,958	-20,547,805,493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32,086,207,099	-3,186,315,980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-50,408,182	-53,611,727
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-42,000,000,000	-21,215,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42,000,000,000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	-9,340,511,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,375,315,416	3,308,586,485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4,324,907,234	-27,300,536,242
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	70,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-3,401,210,000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		111,801,879,019	96,751,420,178
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-111,801,879,019	-114,888,230,848
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-17,008,500,000	-14,400,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-20,409,710,000	37,463,189,330
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16,001,404,333	6,976,337,108
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30,312,488,032	23,336,150,924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		46,313,892,365	30,312,488,032

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012
Tổng Giám đốc

Dương Thị Việt Hà

Vũ Bá Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học , tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồ dùng phục vụ cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Tính hoạt động liên tục

Theo Nghị quyết số 99/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2010 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) và ủy quyền cho HĐQT, Ban Giám đốc, KTT Công ty phối hợp với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục triển khai chi tiết phương án sáp nhập, chủ động thuê đơn vị tư vấn sáp nhập và tiến hành mọi thủ tục có liên quan trong thời gian sớm nhất có thể. Tuy nhiên, tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 02-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2011 đã nhất trí hủy bỏ phương án sáp nhập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) với Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI). Do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không còn dấu hiệu nào ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của Công ty.

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tin sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kèm theo phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

2.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Tại Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, Công ty thực hiện hạch toán toàn bộ vào Giá vốn hàng bán đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. Tuy nhiên, tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 Công ty thực hiện phân bổ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ căn cứ theo giá trị Nguyên vật liệu, Hàng hóa, Thành phẩm tồn kho tại thời điểm 31/12/2011. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ tại 31/12/2011 là 7.037.858.693 VND (Thuyết minh số 8).

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí bảo hiểm tài sản;
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi;
- Các chi phí hoạt động gắn liền với hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	509.479.394	1.226.572.573
Tiền gửi ngân hàng	16.804.412.971	9.085.915.459
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	20.000.000.000
	46.313.892.365	30.312.488.032

Các khoản tương đương tiền tại thời điểm điểm 31 tháng 12 năm 2011 là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất linh hoạt.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Đầu tư ngắn hạn khác	3.255.260.208	21.215.000.000
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay	3.255.260.208	21.215.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(93.861.300)	(38.300.400)
	3.280.175.308	21.295.476.000

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trong tổng số các khoản trả trước cho người bán tại ngày 01/01/2011 và 31/12/2011 bao gồm khoản tiền 4.500.000.000 VND đã thanh toán cho người bán từ năm 2007 để mua Bất động sản tại Lô A2- ĐN1 Nguyễn Khánh Toàn- TP Hà Nội, nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên chưa thực hiện ghi nhận là Tài sản cố định.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về lãi dự thu		56.451.613
Phải thu khác	3.109.687.962	3.768.404.393
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội ⁽¹⁾	2.040.511.000	2.040.511.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK ⁽²⁾	300.000.000	300.000.000
- Phải thu các đối tượng khác	769.176.962	1.427.893.393
	3.109.687.962	3.824.856.006

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m².
- Mục đích sử dụng đất: Dựng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND. Tính đến thời điểm 30/06/2011 Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn theo cam kết tại hợp đồng này.

Ngoài ra, Công ty đã chuyển vốn góp bổ sung 125.011.000 VND theo yêu cầu của Dự án để phục vụ các hạng mục: Nạo vét hệ thống thoát nước và Xây lắp cống ga, tiêu nước, sân nền kênh mương thoát nước theo yêu cầu tại Công văn số 1477/NXBGDVN ngày 30/08/2010.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.686.310.034	94.652.308.037
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.283.417.944	11.695.529.617
Thành phẩm	23.285.316.342	14.746.382.109
Hàng hoá	11.787.817.677	4.465.792.631
Hàng gửi đi bán	2.765.686.926	3.673.282.705
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.193.984.748)	(3.543.467.844)
	131.614.564.175	125.689.827.255

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	7.037.858.693	7.903.966.146
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	170.038.552	436.363.636
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	3.799.841.530	-
	11.007.738.775	8.340.329.782

⁽¹⁾Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, Thành phẩm, Hàng hóa, Giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm 31/12/2011.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	90.903.220	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	3.000.000	-
	93.903.220	-

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	342.301.000	263.726.625
	342.301.000	263.726.625

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	2.792.616.753	502.856.466	3.295.473.219
Số tăng trong năm	11.490.000	38.918.182	50.408.182
- Mua trong năm	11.490.000	38.918.182	50.408.182
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.804.106.753	541.774.648	3.345.881.401
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	1.264.868.643	420.954.311	1.685.822.954
Số tăng trong năm	465.436.140	73.986.491	539.422.631
- Khấu hao trong năm	465.436.140	73.986.491	539.422.631
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.730.304.783	494.940.802	2.225.245.585
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	1.527.748.110	81.902.155	1.609.650.265
Tại ngày cuối năm	1.073.801.970	46.833.846	1.120.635.816

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3.000.000.000	3.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	250.000.000	250.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	81.264.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.517.071.508	2.950.320.629
Thuế thu nhập cá nhân	156.915.905	148.928.047
Các loại thuế khác	3.375.857	-
	6.677.363.270	3.180.512.960

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí tăng công in	157.261.209	-
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	1.196.255.287	-
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	1.209.656.705	-
	2.563.173.201	-

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	111.052.802	8.124.738
Bảo hiểm xã hội	1.807.741	38.724.177
Bảo hiểm y tế	278.092	8.032.489
Bảo hiểm thất nghiệp	145.923	2.954.569
Cổ tức phải trả cổ đông (*)	13.803.900.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	347.617.530	371.153.218
	14.264.802.088	428.989.191

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06-2011/NQ-HDQT ngày 30 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 15% tương đương số tiền 21.812.400.000 VND. Công ty đã thực hiện chuyển khoản tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 8.008.500.000 VND, cổ tức của các cổ đông còn lại là 13.803.900.000 VND đã được Công ty thanh toán cổ tức vào ngày 09/01/2012.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	-	3.622.612.563	5.793.140.556	2.896.570.278	7.200.000.000	99.512.323.397
Tăng vốn trong năm trước	70.000.000.000	-	-	-	-	-	70.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	23.570.184.678	23.570.184.678
Trích lập các quỹ	-	-	299.129.275	2.357.018.468	1.178.509.234	-	3.834.656.977
Trả cổ tức đợt 2 năm 2009	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trả cổ tức đợt 1 năm 2010	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(7.370.184.678)	(7.370.184.678)
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	-	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	9.000.000.000	175.146.980.374
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	30.568.773.976	30.568.773.976
Trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền cho Nhà xuất bản Giáo dục	-	-	-	-	-	(8.008.500.000)	(8.008.500.000)
Trích tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các Cổ đông khác	-	-	-	-	-	(13.803.900.000)	(13.803.900.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(3.401.210.000)	-	-	-	-	(3.401.210.000)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	(3.401.210.000)	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	8.756.373.976	171.502.144.350

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND		VND	
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	53.390.000.000	35,59%	53.390.000.000	35,59%
Các cổ đông khác	96.610.000.000	64,41%	96.610.000.000	64,41%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	70.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.812.400.000	14.400.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>7.200.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>21.812.400.000</i>	<i>7.200.000.000</i>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06-2011/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 15% tương đương số tiền 21.812.400.000 VND. Công ty đã thực hiện chuyển khoản tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 8.008.500.000 VND, các cổ đông còn lại được thanh toán tiền cổ tức vào ngày 09/01/2012.

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	458.400	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>458.400</i>	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.541.600	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.541.600</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	275.907.665.145	239.148.021.898
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	<i>177.031.376.623</i>	<i>154.434.135.057</i>
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	<i>1.612.042.611</i>	<i>3.484.764.396</i>
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	<i>54.140.121.246</i>	<i>49.118.634.697</i>
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và doanh thu hàng khai thác ngoài</i>	<i>43.124.124.665</i>	<i>32.110.487.748</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	743.238.000	674.568.000
	276.650.903.145	239.822.589.898

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm	204.171.372.550	175.563.574.377
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	<i>132.837.508.736</i>	<i>120.643.243.195</i>
- <i>Giá vốn lịch Block</i>	<i>1.439.921.003</i>	<i>2.288.930.347</i>
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	<i>30.548.283.432</i>	<i>24.365.552.233</i>
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và giá vốn hàng khai thác ngoài</i>	<i>39.345.659.379</i>	<i>28.265.848.602</i>
	204.171.372.550	175.563.574.377

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.245.460.803	2.918.376.796
Lãi đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	56.451.613
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.403.000	302.526.893
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	118.515.800
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	29.247.850
	4.318.863.803	3.425.118.952

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	3 401 425 233	4.109.599.422
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	301 532 000	1.356.921.879
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	395.738.150
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	55 560 900	(277.193.350)
Chi phí tài chính khác	7 508 802	18.824.169
	3.766.026.935	5.603.890.270

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.177.946.937	31.498.128.018
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26.135.540	213.645.342
- Các khoản điều chỉnh tăng	99.538.540	516.172.235
- Các khoản điều chỉnh giảm	(73.403.000)	(302.526.893)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	37.204.082.477	31.711.773.360
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.301.020.619	7.927.943.340
Thuế TNDN được giảm ⁽¹⁾	(2.691.847.658)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.609.172.961	7.927.943.340
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.950.320.629	4 671 497 944
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.042.422.082)	(9.649.120.655)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.517.071.508	2.950.320.629

⁽¹⁾Thuế TNDN được giảm 30% theo hướng dẫn tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 09/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.568.773.976	23.570.184.678
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.568.773.976	23.570.184.678
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.902.146	9.572.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.051	2.462

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	31.802.931.864	1.283.645.455
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	10.392.045.454	6.206.992.494
NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	368.967.751	-
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	7.163.160.825	5.539.670.865
Lãi vay phải thu			
	Ảnh hưởng đáng kể		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam		2.928.318.644	1.283.323.473
Trả cổ tức			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	8.008.500.000	5.560.500.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu			
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	846.860.151
- NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	-	4.125.000
Phải thu vốn cho vay			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	3.255.260.208	21.215.000.000
Phải trả			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	57.148.691	-
- NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	9.780.498.701	6.753.405.214
- NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	327.391.500	140.264.000
- NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	349.203.997	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán (AAC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	3.824.856.006	1.484.345.006
Đầu tư dài hạn khác	258	7.000.000.000	9.340.511.000

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012